Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2020

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- **Giới thiệu và sứ mệnh**

Trong xã hội toàn cầu, để con người có niềm tin vào tương lai, cùng xây dựng một xã hội giàu đẹp, tự do và hòa bình thì sức khỏe là vô cùng quan trọng. Chúng tôi thành lập Trường Đại học Y khoa tại Việt Nam với sứ mệnh đào tạo những cán bộ y tế trình độ cao, giàu lòng nhân ái và sẵn sàng hội nhập với thế giới.

Cùng với việc đào tạo trong lĩnh vực y tế, trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam sẽ nuôi dưỡng khả năng sáng tạo và tính nhân văn, giúp trau dồi tinh thần tự lập, tương trợ lẫn nhau của đội ngũ cán bộ y tế để "mang lại sức khỏe, hạnh phúc" cho cộng đồng.

- **Địa chỉ các trụ sở**

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm	Diện tích đất	Diện tích xây dựng
1	Cơ sở đào tạo chính	Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam	ST-01, Khu đô thị thương mại & du lịch Văn Giang (Ecopark), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.	3,2 ha	3,2 ha

2. Quy mô đào tạo chính quy

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
1.	Sau đại học							

1.1	Tiến sĩ							
1.2	Thạc sĩ							
2.	Đại học							
2.1.1	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên							
2.1.1.1	Điều dưỡng (7720301)						66	
2.1.1.2	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả (7720399)						0	
2.1.1.3	Kỹ thuật xét nghiệm y học (7720601)						17	
2.1.1.4	Kỹ thuật hình ảnh y học (7720602)						19	
2.1.1.5	Kỹ thuật phục hồi chức năng (7720603)						46	
2.1.2	Các ngành đào tạo ưu tiên							
2.2	Liên thông từ TC lên ĐH							
2.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy							
2.4	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên							

3.	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non							
3.1	Chính quy							
3.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy							
3.3	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng							
II	Vừa làm vừa học							
1.1	Vừa làm vừa học							
1.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học							
1.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học							
1.4	Đào tạo vừa học vừa làm đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên							
2.	Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non							
2.1	Vừa làm vừa học							
2.2	Liên thông từ trung cấp lên cao							

	đẳng vừa làm vừa học							
2.3	Đào tạo vừa học vừa làm đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng							
III	Đào tạo từ xa							

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

STT	**Năm tuyển sinh**	**Phương thức tuyển sinh**			
		Thi tuyển	**Xét tuyển**	**Kết hợp thi tuyển và xét tuyển**	**Ghi chú**
1	Năm tuyển sinh 2019		x		- Phương thức 1: Xét điểm THPT Quốc gia năm 2019 theo 4 tổ hợp môn: A0 (Toán – Vật lý – Hóa học), A01 (Toán – Vật lý – Tiếng Anh), B00 (Toán – Hóa học – Sinh học), B08 (Toán – Sinh học – Tiếng Anh). - Phương thức 2: Kết hợp xét hồ sơ và phỏng vấn.
2	Năm tuyển sinh 2018		x		- Phương thức 1: Xét điểm THPT Quốc gia năm 2019 theo 4 tổ hợp môn: A0 (Toán – Vật lý – Hóa học), A01 (Toán – Vật lý – Tiếng Anh), B00 (Toán – Hóa học – Sinh

					học), B08 (Toán – Sinh học – Tiếng Anh). - Phương thức 2: Kết hợp xét hồ sơ và phỏng vấn.

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	**Mã ngành**	**Năm tuyển sinh 2018**			**Năm tuyển sinh 2019**		
		Chỉ tiêu	**Số TS nhập học**	**Điểm trúng tuyển**	**Chỉ tiêu**	**Số TS nhập học**	**Điểm trúng tuyển**
Khối ngành I							
Khối ngành II							
Khối ngành III							
Khối ngành IV							
Khối ngành V							
Khối ngành VI							
Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	38	7	15	38	8	18
Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	38	10	15	38	6	18
Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả	7720399	30	0	15	30	0	18
Điều dưỡng	7720301	110	15	15	110	28	18
Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	80	7	15	80	17	18
Khối ngành							

VII							

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- *Tổng diện tích đất của trường:* 3,2 ha
- *Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có):* Không
- *Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:* 66,1 m^2/sinh viên

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	25	3593
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	321
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	242
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	8	1108
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	8	958
6	Số phòng học đa phương tiện	1	138
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	6	826
8	Thư viện, trung tâm học liệu	1	309
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	9	2029

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1	Phòng thực tập các môn khoa	Mô hình bản sao bộ xương nữ	Khối ngành 6

	học/y học cơ sở	giới Nhật Bản	
2	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bản sao từng phần bộ xương nam giới Nhật Bản	Khối ngành 6
3	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bản sao từng phần bộ xương nữ giới Nhật Bản	Khối ngành 6
4	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình các loại khớp 10 loại	Khối ngành 6
5	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình đánh giá tình trạng sức khỏe "Physiko"	Khối ngành 6
6	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình thực hành với người trưởng thành "SAKURA" II	Khối ngành 6
7	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình phổi	Khối ngành 6
8	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình phổi trong suốt nhìn rõ các nhánh khí quản	Khối ngành 6
9	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình hệ tiêu hóa	Khối ngành 6
10	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình não dạng A	Khối ngành 6
11	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình mặt cắt ngang cột sống	Khối ngành 6

12	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình tay dạng D	Khối ngành 6
13	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình chân dạng D	Khối ngành 6
14	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình mặt cắt biểu bì da	Khối ngành 6
15	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo mắt dạng A	Khối ngành 6
16	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo tai dạng A	Khối ngành 6
17	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo răng dạng A	Khối ngành 6
18	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình khoang mũi - họng - thanh quản	Khối ngành 6
19	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình hệ tiết niệu	Khối ngành 6
20	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình quá trình thụ thai	Khối ngành 6
21	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình các loại thực phẩm cơ bản	Khối ngành 6
22	Phòng thực tập các môn khoa	Mô hình thay đổi khẩu phần ăn uống	Khối ngành 6

	học/y học cơ sở		
23	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình khẩu phần ăn uống ít muối 45	Khối ngành 6
24	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu xương chậu trong suốt	Khối ngành 6
25	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình tử cung của phụ nữ mang thai - dạng A	Khối ngành 6
26	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình các giai đoạn phát triển của thai nhi - dạng A	Khối ngành 6
27	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình 12 loại bệnh truyền nhiễm trên da	Khối ngành 6
28	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình viêm loét dạ dày	Khối ngành 6
29	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình ung thư vú	Khối ngành 6
30	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình ung thư tử cung	Khối ngành 6
31	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình ung thư thực quản	Khối ngành 6
32	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình ung thư gan	Khối ngành 6

33	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình ung thư dạ dày	Khối ngành 6
34	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình xuất huyết não	Khối ngành 6
35	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình tình trạng kí sinh trùng kí sinh trên cơ thể người	Khối ngành 6
36	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình 10 loại kí sinh trùng trên cơ thể người	Khối ngành 6
37	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình chi trên - dạng A	Khối ngành 6
38	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình chi dưới - dạng A	Khối ngành 6
39	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình dạ dày	Khối ngành 6
40	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu ruột	Khối ngành 6
41	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình gan, lá lách, thận	Khối ngành 6
42	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo của thận dạng CIM	Khối ngành 6
43	Phòng thực tập các môn khoa	Mô hình thực đơn ăn dặm	Khối ngành 6

	học/y học cơ sở		
44	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu cơ thể dạng M-100	Khối ngành 6
45	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bộ xương nam giới Nhật Bản	Khối ngành 6
46	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình hệ tuần hoàn máu	Khối ngành 6
47	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình hộp sọdạng H-3	Khối ngành 6
48	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo tim dạng A	Khối ngành 6
49	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình não và hệ thần kinh	Khối ngành 6
50	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bộ xương nam giới dạng SA-160	Khối ngành 6
51	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo giải phẫu 3D	Khối ngành 6
52	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tủ y tế đầu giường	Khối ngành 6
53	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bộ xương người gắn kết	Khối ngành 6

54	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu bán thân và nội tạng tháo dời người lớn 24 phần	Khối ngành 6
55	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu cơ đầu với cổ	Khối ngành 6
56	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cột sống	Khối ngành 6
57	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu da	Khối ngành 6
58	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu mắt 11 phần	Khối ngành 6
59	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu cánh tay 20 phần	Khối ngành 6
60	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu tai 4 phần	Khối ngành 6
61	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu tim 2 phần	Khối ngành 6
62	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu cơ và nội tạng 33 phần	Khối ngành 6
63	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bộ xương người gắn kết	Khối ngành 6
64	Phòng thực tập các môn khoa	Mô hình khớp vai	Khối ngành 6

	học/y học cơ sở		
65	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình khung chậu nữ	Khối ngành 6
66	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình hộp sọ 3 phần	Khối ngành 6
67	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình não 9 phần	Khối ngành 6
68	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu bán thân 20 phần	Khối ngành 6
69	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cột sống	Khối ngành 6
70	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tranh màu	Khối ngành 6
71	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tranh bệnh Alheimer	Khối ngành 6
72	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tranh về kiểu gen	Khối ngành 6
73	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tranh về bệnh cúm	Khối ngành 6
74	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình bộ xương người gắn kết	Khối ngành 6
75	Phòng thực hành	Mô hình giải phẫu bán thân và nội tạng tháo dời người lớn 24	Khối ngành 6

	Điều dưỡng	phần	
76	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu cơ đầu với cổ	Khối ngành 6
77	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cột sống	Khối ngành 6
78	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu da	Khối ngành 6
79	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu mắt 11 phần	Khối ngành 6
80	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu cánh tay 20 phần	Khối ngành 6
81	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu tai 4 phần	Khối ngành 6
82	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu tim 2 phần	Khối ngành 6
83	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu cơ và nội tạng 33 phần	Khối ngành 6
84	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình bộ sương người gắn kết	Khối ngành 6
85	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp vai	Khối ngành 6
86	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp cẳng tay	Khối ngành 6
87	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp đùi	Khối ngành 6
88	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Khối ngành 6
89	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khung chậu nữ	Khối ngành 6

90	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình hộp sọ 3 phần	Khối ngành 6
91	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình não 9 phần	Khối ngành 6
92	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu bán thân 20 phần	Khối ngành 6
93	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình đặt ống xông dạ dày	Khối ngành 6
94	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành nội thông khí quản	Khối ngành 6
95	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành đa năng	Khối ngành 6
96	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tủy sống ngực	Khối ngành 6
97	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cuống phổi	Khối ngành 6
98	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp háng	Khối ngành 6
99	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp khủy tay	Khối ngành 6
100	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp vai	Khối ngành 6
101	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bằng điện Model: PA-93281C	Khối ngành 6
102	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	Khối ngành 6
103	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành nội thông khí quản Model: LM-106	Khối ngành 6
104	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình đặt ống xông dạ dày Model: LM-097	Khối ngành 6

105	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành đa năng Model: MW25	Khối ngành 6
106	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cấp dưỡng qua ống thông Model: MW8	Khối ngành 6
107	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành tiêm trong da Model: M94	Khối ngành 6
108	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tủy sống ngực Model: BS 28/1	Khối ngành 6
109	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cuống phổi Model: HS 8/4	Khối ngành 6
110	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp háng Model: NS 51	Khối ngành 6
111	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp khủy tay Model: NS 52	Khối ngành 6
112	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp vai Model: NS 53	Khối ngành 6
113	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực tập kiểm tra thai sản Model: LM-043N	Khối ngành 6
114	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành kỹ năng CPR cơ bản có kiểm soát điện tử người lớn Model: PP-JTM-100M	Khối ngành 6
115	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành kỹ năng CPR cơ bản có kiểm soát điện tử trẻ em Model: PP-CM-100M	Khối ngành 6
116	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành kỹ năng CPR cơ bản có kiểm soát điện tử trẻ sơ sinh Model: PP-IM-100M	Khối ngành 6
117	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường điện	Khối ngành 6

118	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế điện di động	Khối ngành 6
119	Phòng thực hành Điều dưỡng	Băng ca dạng gập	Khối ngành 6
120	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bô thực hành tiêm lấy máu tĩnh mạch kiểu đeo tay - Kantankun	Khối ngành 6
121	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm " V line"	Khối ngành 6
122	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tay tiêm tĩnh mạch trẻ em	Khối ngành 6
123	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm trong da	Khối ngành 6
124	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm mông	Khối ngành 6
125	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành nội thông khí quản & xử lý đường hô hấp	Khối ngành 6
126	Phòng thực hành Điều dưỡng	Búp bê Resusci Anne hướng dẫn kĩ năng hồi sức cấp cứu nâng cao QCPR	Khối ngành 6
127	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực tập thông đường tiểu nam	Khối ngành 6
128	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực tập thông đường tiểu nữ	Khối ngành 6
129	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe gội đầu HL	Khối ngành 6
130	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe tắm gối, vệ sinh	Khối ngành 6
131	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bơm truyền dịch	Khối ngành 6
132	Phòng thực hành	Bơm Syringe	Khối ngành 6

	Điều dưỡng		
133	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cấp dưỡng qua ống thông	Khối ngành 6
134	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình hướng dẫn ống nuôi tĩnh mạch trung ương	Khối ngành 6
135	Phòng thực hành Điều dưỡng	Dụng cụ thực hành CPS	Khối ngành 6
136	Phòng thực hành Điều dưỡng	Khí dung 303	Khối ngành 6
137	Phòng thực hành Điều dưỡng	Thiết bị thụt rửa	Khối ngành 6
138	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành thụt rửa - "Q chan"	Khối ngành 6
139	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy tiệt trùng bằng hơi cao áp	Khối ngành 6
140	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe đẩy thay băng	Khối ngành 6
141	Phòng thực hành Điều dưỡng	Đồng hồ đo bụi	Khối ngành 6
142	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bằng tay	Khối ngành 6
143	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành với người trưởng thành “SAKURA” II	Khối ngành 6
144	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm bắp tay dạng đeo	Khối ngành 6
145	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm tĩnh mạch - trích máu - Shinjo II	Khối ngành 6
146	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường cho trẻ em	Khối ngành 6

147	Phòng thực hành Điều dưỡng	Búp bê thực hành sơ cứu người đuối nước- Resusci Junior	Khối ngành 6
148	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường cho trẻ em	Khối ngành 6
149	Phòng thực hành Điều dưỡng	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
150	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn sưởi sơ sinh	Khối ngành 6
151	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn thăm khám (cân đo), vệ sinh trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
152	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn cân trẻ sơ sinh DS-30	Khối ngành 6
153	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế điện di động	Khối ngành 6
154	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình mát xa ngực sản phụ CS-1	Khối ngành 6
155	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thăm khám bụng sản phụ II	Khối ngành 6
156	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy kiểm tra dấu hiệu sinh tồn của trẻ sơ sinh II	Khối ngành 6
157	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành với trẻ từ 7 ~ 10 tháng tuổi - "Maron chan"	Khối ngành 6
158	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình đỡ đẻ	Khối ngành 6
159	Phòng thực hành Điều dưỡng	Dụng cụ hướng dẫn kiểm tra khí quản của trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
160	Phòng thực hành Điều dưỡng	Dụng cụ thử làm phụ nữ mang thai	Khối ngành 6
161	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy nghe tim thai	Khối ngành 6

162	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
163	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực tập kiểm tra thai sản	Khối ngành 6
164	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành tắm nữ giới "Keiko"	Khối ngành 6
165	Phòng thực hành Điều dưỡng	Thiết bị mô phỏng điện tim đồ (dạng bằng tay)	Khối ngành 6
166	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình hậu môn nhân tạo	Khối ngành 6
167	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy thụt rửa chạy liên tục áp lực thấp	Khối ngành 6
168	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe đẩy cứu thương	Khối ngành 6
169	Phòng thực hành Điều dưỡng	Túi dụng cụ hồi sức cấp cứu có thở oxy	Khối ngành 6
170	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ đặt nội khí quản	Khối ngành 6
171	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ dụng cụ hồi sức cấp cứu	Khối ngành 6
172	Phòng thực hành Điều dưỡng	Thiết bị ghi điện tim	Khối ngành 6
173	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ nẹp thử nghiệm làm người già "Oitarou"	Khối ngành 6
174	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành hô hấp nhân tạo AED	Khối ngành 6
175	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình bếp thực hành bằng điện kiểu nâng	Khối ngành 6
176	Phòng thực hành Điều dưỡng	Trục nâng chăm sóc bằng điện kiểu chân đứng	Khối ngành 6

177	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giá truyền dịch	Khối ngành 6
178	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe đẩy dụng cụ tiêm 600x400x800	Khối ngành 6
179	Phòng thực hành Điều dưỡng	Cân y tế	Khối ngành 6
180	Phòng thực hành Điều dưỡng	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
181	Phòng thực hành Điều dưỡng	Tủ hấp dụng cụ y tế	Khối ngành 6
182	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe lăn	Khối ngành 6
183	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy đo huyết áp thủy ngân	Khối ngành 6
184	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy đo huyết áp điện tử	Khối ngành 6
185	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Tay vịn dạng có thể nâng lên	Khối ngành 6
186	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Hô hấp khí	Khối ngành 6
187	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Thiết bị đo độ bão hòa oxy trong máu Pulsfit	Khối ngành 6
188	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ	Máy đo điện cơ Myo Systems	Khối ngành 6

	khí)		
189	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy chạy bộ dành cho phục hồi chức năng	Khối ngành 6
190	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Xe đạp tập thể thao	Khối ngành 6
191	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy Excite Top 700SP	Khối ngành 6
192	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Thiết bị ghi nhớ	Khối ngành 6
193	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Thiết bị kiểm tra thăng bằng	Khối ngành 6
194	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Rosen Score	Khối ngành 6
195	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Bio Dex system 4	Khối ngành 6
196	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	TeleMyo	Khối ngành 6

197	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy khoan để bàn	Khối ngành 6
198	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Cưa cầm tay mini	Khối ngành 6
199	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy chà nhám băng & Máy mài bằng đai	Khối ngành 6
200	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy mài tổng hợp	Khối ngành 6
201	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy may 1 kim	Khối ngành 6
202	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy bơm chân không	Khối ngành 6
203	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy ép chân không	Khối ngành 6
204	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy hút bụi	Khối ngành 6
205	Phòng thực hành dụng cụ chân tay	Máy nén	Khối ngành 6

	giả 1 (phòng cơ khí)		
206	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy chạm khắc	Khối ngành 6
207	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Tủ sấy	Khối ngành 6
208	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Tủ sấy	Khối ngành 6
209	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Máy khoan để bàn	Khối ngành 6
210	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Máy cắt nhựa mini	Khối ngành 6
211	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Bộ dụng cụ chế tạo sản phẩm gỗ	Khối ngành 6
212	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Bộ dụng cụ chế tạo sản phẩm kim loại	Khối ngành 6

213	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Dụng cụ kiểm tra nẹp tay giả	Khối ngành 6
214	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Tay giả nối bắp	Khối ngành 6
215	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Tay giả nối bắp	Khối ngành 6
216	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Vai giả	Khối ngành 6
217	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Vai giả	Khối ngành 6
218	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Vai giả	Khối ngành 6
219	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng	Cẳng tay giả	Khối ngành 6

	cụ chỉnh hình)		
220	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Bàn thực tập	Khối ngành 6
221	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Ghế tròn	Khối ngành 6
222	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Máy chiếu	Khối ngành 6
223	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Màn chiếu	Khối ngành 6
224	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Bàn ghế giáo viên	Khối ngành 6
225	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Bảng	Khối ngành 6
226	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Nhiệt ẩm kế	Khối ngành 6
227	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Máy đo điện thế dòng 1 chiều	Khối ngành 6
228	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Máy đo điện thế dòng xoay chiều	Khối ngành 6
229	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Am pe kế dòng 1 chiều	Khối ngành 6

230	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Am pe kế dòng xoay chiều	Khối ngành 6
231	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Cầu Kohlrausch dạng di động	Khối ngành 6
232	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Cầu Wheatstone dạng di động	Khối ngành 6
233	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Máy điều chỉnh điện áp	Khối ngành 6
234	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Máy khuếch đại dòng một chiều (bộ vi sai)	Khối ngành 6
235	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Nguồn điện một chiều ổn định có thể điều chỉnh	Khối ngành 6
236	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Nguồn điện xoay chiều ổn định	Khối ngành 6
237	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Vôn kế điện tử	Khối ngành 6
238	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Bàn thực tập	Khối ngành 6
239	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Ghế tròn	Khối ngành 6
240	Phòng thực tập sinh hóa – huyết	Máy chiếu	Khối ngành 6

	học		
241	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Màn chiếu	Khối ngành 6
242	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Bàn ghế giáo viên	Khối ngành 6
243	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Bảng	Khối ngành 6
244	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Huyết áp kế	Khối ngành 6
245	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Ống nghe tim phổi	Khối ngành 6
246	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy ly tâm Hematocrit	Khối ngành 6
247	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy ly tâm để bàn	Khối ngành 6
248	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy ly tâm lạnh vi lượng	Khối ngành 6
249	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Hộp lạnh bảo quản	Khối ngành 6
250	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Tủ cấp đông	Khối ngành 6

251	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Tủ bảo ôn	Khối ngành 6
252	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị lọc nước cất	Khối ngành 6
253	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy rửa dụng cụ xét nghiệm	Khối ngành 6
254	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Khí áp kế cơ học	Khối ngành 6
255	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Đồng hồ bấm giấy chống hấp hơi	Khối ngành 6
256	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Cân điện tử	Khối ngành 6
257	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị đo pH	Khối ngành 6
258	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị đo nồng độ khí ga	Khối ngành 6
259	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị đo nồng độ hạt kỹ thuật số	Khối ngành 6
260	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Kính hiển vi điện tử kép	Khối ngành 6
261	Phòng thực tập sinh hóa – huyết	Máy cắt tiêu bản	Khối ngành 6

	học		
262	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Nồi đun paraphin	Khối ngành 6
263	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Đồng hồ đo khúc xạ	Khối ngành 6
264	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị đo tỷ trọng nước tiểu dạng bỏ túi	Khối ngành 6
265	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Sắc ký lớp mỏng	Khối ngành 6
266	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Quang phổ kế	Khối ngành 6
267	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy đếm tế bào máu tự động	Khối ngành 6
268	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị đếm số lượng tế bào màu	Khối ngành 6
269	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy khử khuẩn nhiệt khô	Khối ngành 6
270	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị khử khuẩn đun sôi	Khối ngành 6
271	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy ổn định nhiệt độ	Khối ngành 6

272	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Hộp quan sát huyết thanh huyết tương	Khối ngành 6
273	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Bàn thực tập	Khối ngành 6
274	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Ghế tròn	Khối ngành 6
275	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy chiếu	Khối ngành 6
276	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Màn chiếu	Khối ngành 6
277	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Bàn ghế giáo viên	Khối ngành 6
278	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Bảng	Khối ngành 6
279	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Huyết áp kế	Khối ngành 6
280	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Ống nghe tim phổi	Khối ngành 6
281	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Hộp lạnh bảo quản	Khối ngành 6
282	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh	Tủ bảo ôn	Khối ngành 6

	trùng		
283	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy sấy khô định ôn	Khối ngành 6
284	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Thiết bị lọc nước cất	Khối ngành 6
285	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy rửa dụng cụ xét nghiệm	Khối ngành 6
286	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Đồng hồ bấm giấy chống hấp hơi	Khối ngành 6
287	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Cân điện tử	Khối ngành 6
288	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Thiết bị đo pH	Khối ngành 6
289	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Thiết bị đo nồng độ khí ga	Khối ngành 6
290	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Thiết bị đo nồng độ hạt kỹ thuật số	Khối ngành 6
291	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Kính hiển vi điện tử kép	Khối ngành 6
292	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy cắt tiêu bản	Khối ngành 6

293	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Bộ lấy máu xét nghiệm	Khối ngành 6
294	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Quang phổ kế	Khối ngành 6
295	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy khử khuẩn nhiệt khô	Khối ngành 6
296	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Thiết bị khử khuẩn đun sôi	Khối ngành 6
297	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy ổn định nhiệt độ	Khối ngành 6
298	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Lồng ấp	Khối ngành 6
299	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy đọc khay vi thể	Khối ngành 6
300	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Bàn thực tập	Khối ngành 6
301	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Ghế tròn	Khối ngành 6
302	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy chiếu	Khối ngành 6
303	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Màn chiếu	Khối ngành 6
304	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Bàn ghế giáo viên	Khối ngành 6

305	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Bảng	Khối ngành 6
306	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Huyết áp kế	Khối ngành 6
307	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Ống nghe tim phổi	Khối ngành 6
308	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Kính hiển vi điện tử kép	Khối ngành 6
309	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy cắt tiêu bản	Khối ngành 6
310	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Hộp lạnh bảo quản	Khối ngành 6
311	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Tủ bảo ôn	Khối ngành 6
312	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy sấy khô định ôn	Khối ngành 6
313	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Thiết bị lọc nước cất	Khối ngành 6
314	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy rửa dụng cụ xét nghiệm	Khối ngành 6
315	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Đồng hồ bấm giấy chống hấp hơi	Khối ngành 6
316	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Sắc ký lớp mỏng	Khối ngành 6
317	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Quang phổ kế	Khối ngành 6
318	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy khử khuẩn nhiệt khô	Khối ngành 6
319	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Thiết bị khử khuẩn đun sôi	Khối ngành 6

320	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy ổn định nhiệt độ	Khối ngành 6
321	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Cân điện tử	Khối ngành 6
322	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy đọc khay vi thể	Khối ngành 6
323	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy đo điện não đồ	Khối ngành 6
324	Phòng thực hành X-quang	Bàn thực tập	Khối ngành 6
325	Phòng thực hành X-quang	Ghế tròn	Khối ngành 6
326	Phòng thực hành X-quang	Máy chiếu	Khối ngành 6
327	Phòng thực hành X-quang	Màn chiếu	Khối ngành 6
328	Phòng thực hành X-quang	Bàn ghế giáo viên	Khối ngành 6
329	Phòng thực hành X-quang	Bảng	Khối ngành 6
330	Phòng thực hành X-quang	Thiết bị đo phơi nhiễm phóng xạ các nhân	Khối ngành 6
331	Phòng thực hành X-quang	Thiết bị đo tia nhiệt huỳnh quang	Khối ngành 6
332	Phòng thực hành X-quang	Ống đếm tia phóng xạ (dạng ống GM)	Khối ngành 6
333	Phòng thực hành X-quang	Máy đếm bức xạ	Khối ngành 6
334	Phòng thực hành X-quang	Thiết bị phân tích chiều cao sóng đa kênh	Khối ngành 6

335	Phòng thực hành X-quang	Phổ kế nhấp nháy	Khối ngành 6
336	Phòng thực hành X-quang	Hộp đo điện ly	Khối ngành 6

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo…sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	6000
7	Khối ngành VII	

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo Giáo dục Mầm non.

- *Xem phụ lục 01 kèm theo*

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo Giáo dục Mầm non.

- *Xem phụ lục 02 kèm theo*

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy *(*không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CĐ, CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ*)*

1.1. Đối tượng tuyển sinh

• Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

• Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển;

Trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam thực hiện 2 hình thức xét tuyển, một là xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2020, hai là xét tuyển theo kết quả học tập THPT và phỏng vấn. Thí sinh có thể chọn một trong hai hình thức, hoặc cả hai hình thức để dự thi.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: Ghi rõ số, ngày ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của trường (nếu được cho phép tự chủ) đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	957/QĐ-BGDĐT	09/03/2018		2017
2	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả	7720399	957/QĐ-BGDĐT	09/03/2018		2017
3	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	957/QĐ-BGDĐT	09/03/2018		2017
4	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	957/QĐ-BGDĐT	09/03/2018		2016
5	Điều dưỡng	7720301	957/QĐ-BGDĐT	09/03/2018		2016

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

STT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Xét theo	Theo phương	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính

			KQ thi THPT	thức khác								
1	Các ngành đào tạo đại học											
1.1	Điều dưỡng	7720301	44	66	A00	TO	A01	TO	B00	SI	B08	SI
1.2	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả	7720399	12	18	A00	TO	A01	TO	B00	SI	B08	SI
1.3	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	7720601	15	23	A00	TO	A01	TO	B00	SI	B08	SI
1.4	Kỹ	7720602	15	23	A00	TO	A01	TO	B00	SI	B08	SI

	thuật hình ảnh y học											
1.5	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	32	48	A00	TO	A01	TO	B00	SI	B08	SI

1.5.Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

1.6.Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

- Mã trường: **THU**

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển: như bảng 2.4.2 ở trên

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Thí sinh được chọn 1 trong 2 hoặc cả 2 phương thức để xét tuyển;

+ Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số lượng nguyện vọng và phải sắp xếp thứ tự nguyện vọng theo mức độ ưu tiên, từ cao xuống thấp;

+ Trong cùng ngành, 4 tổ hợp xét tuyển đều được sử dụng tương đương, không có sự chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp;

+ Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trường hợp các thí sinh có tổng điểm các môn thi của tổ hợp xét tuyển bằng nhau thì xét ưu tiên môn Toán với khối A00 và A01, ưu tiên môn Sinh học với khối B00 và B08;

1.7.Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

1. Đối với hình thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2020

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Đối với hình thức xét tuyển theo kết quả học tập THPT & phỏng vấn

2.1. Điều kiện xét tuyển: thí sinh thỏa mãn 1 trong 4 điều kiện dưới đây được phép nộp hồ sơ xét tuyển

- Thí sinh có điểm trung bình các môn cả năm lớp 10, 11 và điểm trung bình các môn học kì I lớp 12 đạt ≥ **6,8 điểm** trở lên.

- Thí sinh có tổng điểm trung bình môn học kì I của lớp 12 đối với 3 môn thuộc 1 trong 4 tổ hợp **A00***(Toán, Lý, Hóa)*, **A01***(Toán, Lý, Tiếng Anh)*, **B00** *(Toán, Hóa, Sinh)*, **B08** *(Toán, Sinh, Tiếng Anh)* ≥ **21 điểm.**

- Thí sinh xếp loại học lực lớp 12 đạt loại KHÁ trở lên và có chứng chỉ năng lực tiếng Nhật do Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản trình độ từ N4 trở lên, được cấp trong vòng 02 (hai) năm tính đến ngày đăng kí dự thi.

- Thí sinh đã hoàn thành chương trình học tập của nước ngoài tương đương THPT.

2.2. Hồ sơ đăng kí xét tuyển:

- Phiếu đăng kí xét tuyển (theo mẫu của nhà trường);
- Bài luận (theo mẫu);
- Bản sao Bảng điểm hoặc Học bạ THPT;
- Bản sao Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời hoặc Bằng tốt nghiệp THPT
- 02 ảnh chân dung 4x6
- Lệ phí xét tuyển 200.000 VNĐ
- Bản sao Chứng chỉ tiếng Nhật còn giá trị hiệu lực (nếu có)

2.3. Hình thức nhận đăng kí xét tuyển:

Thí sinh có thể gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Phòng tuyển sinh nhà trường theo địa chỉ sau:

Trường ĐH y khoa Tokyo Việt Nam - Phòng tuyển sinh

Địa chỉ: ST-01, khu đô thị Ecopark, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

SĐT: (024) 6664 0325 / 086 821 7406

2.4. Thời gian nhận hồ sơ và phỏng vấn (dự kiến):

Thí sinh có thể nộp hồ sơ theo các đợt sau (trừ ngày lễ, thứ 7 và chủ nhật)

Đợt nhận hồ sơ	Thời gian nhận hồ sơ	Thời gian phỏng vấn
I	01/6 ~ 12/6/2020	14/6/2020 (Chủ nhật)
II	15/6 ~ 03/7/2020	05/7/2020 (Chủ nhật)
III	03/8 ~ 12/8/2020	17/8/2020 (thứ Hai)
IV	17/8 ~ 21/8/2020	25/8/2020 (thứ Ba)
V	25/8 ~ 04/9/2020	08/9/2020 (thứ Ba)
VI	07/9 ~ 14/9/2020	15/9/2020 (thứ Ba)
VII	14/9 ~ 22/9/2020	23/9/2020 (thứ Tư)
VIII	23/9 ~ 02/10/2020	05/10/2020 (thứ Hai)
IX	05/10 ~ 12/10/2020	13/10/2020 (thứ Ba)

1.8.Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9.Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

1. Đối với hình thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2020

Lệ phí xét tuyển thu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với hình thức xét tuyển theo kết quả học tập THPT & phỏng vấn

- *Lệ phí xét tuyển:* 200.000đ/thí sinh/lượt thi.

-

Hình thức nộp lệ phí:

- **Cách 1**: Nộp lệ phí thi kèm theo hồ sơ đăng ký xét tuyển và gửi theo đường bưu điện;

- **Cách 2**: Nộp trực tiếp tại Phòng tuyển sinh - Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam.
- **Cách 3**: *Nộp chuyển khoản đến tài khoản của Nhà trường theo thông tin chuyển khoản như sau:*

- Tên tài khoản: Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam
- Số tài khoản: 0591 000 66 8888
- Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Vietnam (Vietcombank), chi nhánh Hưng Yên
- Nội dung chuyển khoản: Nộp lệ phí ĐKXT 2020, [Họ tên thí sinh]; [Số CMND/thẻ CCCD/Hộ chiếu của thí sinh]

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Mục	**Sinh viên năm thứ nhất**
Phí nhập học	13.000.000
Học phí	61.000.000
Phí thực hành, thực tập	5.500.000

Phí cơ sở vật chất	4.600.000
Tổng	84.100.000

Lưu ý: sinh viên năm thứ 2 trở đi không phải nộp phí nhập học.

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

Không

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (xác định rõ theo từng giai đoạn với thời gian xác định cụ thể).

1.12.1. Tên doanh nghiệp các nội dung hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đối tác và trách nhiệm của mỗi bên; trách nhiệm đảm bảo đảm bảo việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

Không

1.12.2. Tổng số GV cơ hữu quy đổi; tổng số GV thỉnh giảng quy đổi; tổng số chỉ tiêu theo quy định chung; tổng số chỉ tiêu tăng thêm theo quy định đặc thù

1. Tổng số GV cơ hữu quy đổi: 74,1 giảng viên
2. Tổng số GV thỉnh giảng quy đổi: 6,6 giảng viên
3. Tổng số chỉ tiêu theo quy định chung: 296 sinh viên

1.12.3. Các thông tin khác triển khai áp dụng cơ chế đặc thù trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (không trái quy định hiện hành)....

Không

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

1.13.1. Năm tuyển sinh 2018

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	**CĐSP**	**ĐH**	**CĐSP**	**ĐH**	**CĐSP**	**ĐH**	**CĐSP**

1.13.2. Năm tuyển sinh 2019

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	**CĐSP**	**ĐH**	**CĐSP**	**ĐH**	**CĐSP**	**ĐH**	**CĐSP**

1.14. Tài chính

- *Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường:* 10.291.892.183 VNĐ
- *Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh:* 100.000.000 VNĐ

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (Không bao gồm chỉ tiêu liên thông VLVH trình độ ĐH, trình độ CĐ Ngành Giáo dục Mầm non và đào tạo văn bằng 2 VLVH)

2.1.*Đối tượng tuyển sinh*

2.2.Phạm vi tuyển sinh

2.3.Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

2.8. Chính sách ưu tiên:

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	Tiêu đề	Nội dung

3. Tuyển sinh đào tạo cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

3.1.Đối tượng tuyển sinh

3.2.Phạm vi tuyển sinh

3.3.Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

3.4.Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VB2	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo

3.5.Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

3.6.Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

3.7.Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

3.8.Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

3.9.Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

3.10.Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

4. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

4.1.Văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng, nội dung thoả thuận giữa các bên và các thông tin liên quan (Bộ ngành, UBND tỉnh)

4.2.Chỉ tiêu đào tạo

4.3.Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

4.4.Các nội tuyển sinh đào tạo theo đặt hàng do các trường quy định (không trái quy định hiện hành).

5. Tuyển sinh liên thông trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

5.1.Đối tượng tuyển sinh

5.2.Phạm vi tuyển sinh

5.3.Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

5.4.Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự	Số QĐ đào tạo	Ngày tháng năm ban	Cơ quan có thẩm	Năm bắt đầu đào

					kiến)	**LT**	**hành QĐ**	**quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ**	**tạo**

5.5.Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

5.6.Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

5.7.Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển;

5.8.Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

5.9.Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

5.10.Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	**Tiêu đề**	**Nội dung**

5.11.Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

Cán bộ kê khai

HIỆU TRƯỞNG

Ngày xác nhận:

Ngày báo cáo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo
Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Đề án tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020)

Phụ lục 01: Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học, trình đồ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	Inoue Masayuki	Nam		ĐH	Văn hóa Nhật Bản	x				
2	Trương Thị Thùy Linh	Nữ		THS	Sư phạm tiếng Nhật	x				
3	Đặng Thị	Nữ		ĐH	Vật lý trị				7720603	Kỹ thuật phục

	Hồng Vân				liệu					hồi chức năng
4	Đỗ Minh Hải	Nam		THS	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
5	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam		THS	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
6	Đinh Thị Liễu	Nữ		ĐH	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
7	Dương Thi Thu Hương	Nữ		ĐH	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
8	Hotoge Shuko	Nữ		TS	Khoa học thể thao				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
9	Lê Thị Thanh Thủy	Nữ		THS	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần				7720301	Điều dưỡng
10	Fujiwara Hiroko	Nữ		TS	Vật lý học				7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học

11	Kuriyama Takumi	Nam		TS	Chẩn đoán hình ảnh				7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
12	Sato Yukimitsu	Nam		TS	Y khoa				7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
13	Nakai Yuko	Nữ		THS	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần				7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
14	Yamadate Shukoh	Nam		TS	Bác sĩ				7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
15	Yajima Hiroaki	Nam		TS	Bác sĩ				7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
16	Saito Nobuo	Nam		TS	Kỹ thuật phúc lợi y tế				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
17	Sato Shinichiro	Nam		TS	Phục hồi chức năng				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
18	Yokosawa Kaori	Nữ		ĐH	Vật lý trị liệu				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng

19	Yamamoto Keita	Nam		ĐH	Chăm sóc sức khỏe				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
20	Tomita Hiroshi	Nam		TS	Vật lý trị liệu				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
21	Kuriyama Akihiko	Nam		TS	Kỹ thuật y học				7720399	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả
22	Atsuzawa Akiko	Nữ		ĐH	Kỹ thuật máy móc				7720399	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả
23	Otsuka Hiroshi	Nam		TS	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả				7720399	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả
24	Sakai Kazuhiro	Nam		THS	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả				7720399	Dụng cụ chỉnh hình chân tay giả
25	Makino Yukari	Nữ		THS	Điều				7720301	Điều dưỡng

					dưỡng					
26	Hanawa Hiroki	Nam		TS	Khoa học y tế				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
27	Takahashi Kimiko	Nữ		TS	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
28	Uchida Miyako	Nữ		TS	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần				7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
29	Ishifuro Minoru	Nam		TS	Y khoa				7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
30	Akiyama Kayo	Nữ		THS	Tâm lý học				7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
31	Hondo Nobuhiro	Nam		THS	Y khoa				7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
32	Fujino Tsutomu	Nam		THS	Phục hồi chức năng				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
33	Nakayama	Nam		TS	Xã hội học				7720601	Kỹ thuật xét

	Kazuhisa									nghiệm y học
34	Kusumi Takeshi	Nam		TS	Y khoa				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
35	Đậu Phan Ngọc Bích	Nữ		THS	Truyền thông				7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
36	Suzuki Atsuko	Nữ		TS	Y khoa				7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
37	Suzuki Harue	Nam		TS	Y khoa				7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
38	Endo Takayuki	Nam		TS	Nha khoa				7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
39	Koiwa Nobuyoshi	Nam		TS	Y khoa				7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
40	Watanabe Shigeru	Nam		TS	Y khoa				7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
41	Kaneko Yuichi	Nam		THS	Thông tin khoa học xã hội				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng

42	Karube Hitomi	Nam		TS	Y khoa				7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
43	Kuroda Rumi	Nữ		TS	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
44	Matsumoto Sachiko	Nữ		THS	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần				7720301	Điều dưỡng
45	Sato Hiroko	Nữ		THS	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần				7720301	Điều dưỡng
46	Kobori Junko	Nữ		THS	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần				7720301	Điều dưỡng
47	Raghda Shukri	Nữ		TS	Y tế công cộng				7720301	Điều dưỡng
48	Anada Hiromi	Nữ		THS	Khoa học sức khỏe				7720301	Điều dưỡng

					thể chất & tinh thần					
49	Tokimitsu Ichiro	Nam		TS	Y khoa				7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
50	Kagitani Fusako	Nữ		TS	Khoa học tự nhiên				7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
51	Kusumi Mari	Nữ		TS	Khoa học y tế				7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng

Phục lục 02: Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Giảng dạy môn chung	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp(bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
1	Dương Đức Hùng	Nam		ĐH	Bác sỹ đa khoa	x				

2	Ngô Xuân Nguyện	Nam		THS	Giáo dục thể chất	x				
3	Vũ Thị Thương	Nữ		THS	Kỹ thuật	x				
4	Nguyễn Thị Hồng Lê	Nữ		THS	Triết học	x				
5	Vũ Thị Trâm	Nữ		TS	Độc học	x				
6	Nguyễn Thị Thật	Nữ		THS	Tiếng Anh	x				
7	Hoàng Thị Duyên	Nữ		THS	Tiếng Anh	x				
8	Phạm Đức Quân	Nam		THS	Xây dựng Đảng & chính quyền nhà nước	x				

9	Nguyễn Thị Thanh Bình	Nữ		THS	Tiếng Nhật	x				
10	Hồ Thị Kim Thanh	Nữ	Phó giáo sư	TS	Bác sỹ đa khoa		7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng		
11	Hoàng Thị Thanh Hoa	Nữ		THS	Xét nghiệm y học		7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
12	Nguyễn Minh Hoan	Nam		ĐH	Kỹ thuật y học		7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		
13	Vũ Văn	Nam		TS	Điều		7720301	Điều		

	Đẩu				dưỡng			dưỡng		
14	Nguyễn Kim Dung	Nữ		THS	KT điều khiển & tự động hóa		7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		
15	Hoàng Thị Hằng	Nữ		THS	Xét nghiệm y học		7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
16	Nghiêm Nguyệt Thu	Nữ		TS	Khoa học môi trường nhân sinh		7720301	Điều dưỡng		
17	Nguyễn Thị Phương	Nữ		THS	Vật lý		7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		

18	Nguyễn Tiến Hiển	Nam		TS	Vật lý nguyên tử		7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		
19	Đỗ Thị Tuyến	Nữ		THS	Khoa học y sinh		7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
20	Trương Tuyết Mai	Nữ	Phó giáo sư	TS	Dinh dưỡng và thực phẩm		7720301	Điều dưỡng		
21	Nguyễn Thị Thành	Nữ		THS	Nội khoa		7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng		
22	Nguyễn Thị Thu	Nữ		ĐH	Bác sỹ đa		7720603	Kỹ thuật		

	Hương				khoa			phục hồi chức năng		
23	Hoàng Thị Phương Nam	Nữ		THS	Bác sỹ nội trú		7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng		
24	Nguyễn Thị Minh Chính	Nữ		TS	Điều dưỡng		7720301	Điều dưỡng		
25	Đỗ Văn Thắng	Nam		THS	Tâm thần		7720301	Điều dưỡng		
26	Phạm Thị Hảo	Nữ		ĐH	Điều dưỡng		7720301	Điều dưỡng		
27	Đặng Vũ Phương Linh	Nữ		TS	Miễn dịch học		7720601	Kỹ thuật xét		

								nghiệm y học		
28	Nguyễn Văn Đạt	Nam		THS	Kỹ thuật		7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		
29	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ		TS	Toán học		7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		
30	Nguyễn Hữu Dũng	Nam		TS	Vật lý		7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		
31	Nguyễn Thị Hương	Nữ		TS	Phục hồi chức năng		7720603	Kỹ thuật phục hồi		

	Giang							chức năng		
32	Trịnh Quang Dũng	Nam		TS	Phục hồi chức năng		7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng		
33	Nguyễn Thu Thủy	Nữ		THS	Phục hồi chức năng		7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng		
34	Nguyễn Hữu Chút	Nam		TS	Y tế công cộng		7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng		